

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị H
Ông Lê Văn L
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hồng T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh S – Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 634/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Mỹ D – sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Có mặt.
- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T – sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Phan Văn T kết hôn năm 1996 tại UBND xã S. Quá trình chung sống bà và ông T thỉnh thoảng mâu thuẫn. Từ giữa năm 2013 đến nay, ông bà thường xuyên mâu thuẫn vì bà cho rằng ông không chung thủy, rồi đánh đập bà. Bà đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút lại đơn để cho ông T cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn giữa ông bà vẫn không khắc phục được nên yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Phan Văn T – sinh ngày 10/7/1996, Phan Văn Tr – sinh ngày 17/7/1998, Phan Văn Q – sinh ngày 15/01/2005 và Phan Thị Thu H – sinh ngày 04/5/2001. Cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà xin nuôi dưỡng cháu Q và cháu H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Ông Phan Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bà Trương Thị Mỹ D tại phiên tòa thể hiện: Bà và ông Phan Văn T kết hôn năm 1996 tại UBND xã S. Quá trình chung sống bà và ông T thỉnh thoảng mâu thuẫn. Từ giữa năm 2013 đến nay, ông bà thường xuyên mâu thuẫn vì bà cho rằng ông T không chung thủy, rồi đánh đập bà. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T để hòa giải và mở phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà D. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D. Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Phan Văn T – sinh ngày 10/7/1996, Phan Văn Tr – sinh ngày 17/7/1998, Phan Văn Q – sinh ngày 15/01/2005 và Phan Thị Thu H – sinh ngày 04/5/2001. Cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà xin nuôi dưỡng cháu Q và cháu H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Q và cháu H có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cho bà D nuôi dưỡng. Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết. Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

1. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Phan Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa bà Trương Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ D và ông Phan Văn T kết hôn năm 1996 tại UBND xã S được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53 ngày 28/11/1996. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà D yêu cầu ly hôn vì cho rằng từ giữa năm 2013 đến nay, ông bà thường xuyên mâu thuẫn vì ông T không chung thủy, rồi đánh đập bà. Tòa án đã triệu tập ông T để hòa giải và mở phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Trương Thị Mỹ D và ông Phan Văn T đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

- Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Phan Văn T – sinh ngày 10/7/1996, Phan Văn Tr – sinh ngày 17/7/1998, Phan Văn Q – sinh ngày 15/01/2005 và Phan Thị Thu H – sinh ngày 04/5/2001. Cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà xin nuôi dưỡng cháu Q và cháu H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Q và cháu H có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cho bà D nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

- Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông T thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Trương Thị Mỹ D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ D.

1. Bà Trương Thị Mỹ D được ly hôn ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Phan Văn Q – sinh ngày 15/01/2005 và Phan Thị Thu H – sinh ngày 04/5/2001 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông T thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Mỹ D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003348 ngày 16/10/2017 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã S
- (GCNKH số 53 ngày 28/11/1996);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương